

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ;
2. Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1983; Địa chỉ: đường B, khu phố N, phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: khu phố Bình Hòa A, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: đường B, khu phố N, phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Yến Nghi trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2006 có tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương vào năm 2006. Hôn nhân giữa bà và ông T hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có nhiều bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T có

người phụ nữ khác. Hiện tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung cháu Nguyễn Võ Anh D, sinh ngày 12/6/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 17/4/2017. Khi ly hôn, bà M đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Anh T. Ông Nguyễn Văn T nuôi cháu Nguyễn Võ Anh D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T: Đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị M.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:

+ Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tổ tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Võ Thị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị M và ông Nguyễn Văn T: Bà M, ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2006 tại

UBND phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo bà M trình bày: Vợ chồng bà đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T có người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, Vì vậy, bà M có nguyện vọng được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống và tại Biên bản xác minh ngày 01/7/2020 xác định: “Quá trình chung sống giữa bà M và ông T có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay bà M và ông T không còn sống chung với nhau”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình và không có thiện chí trong việc muốn đoàn tụ gia đình với bà M.

[4] Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M, ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà M là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Khi ly hôn, bà M đề nghị được nuôi con là cháu Nguyễn Ngọc Anh T. Ông Nguyễn Văn T nuôi con chung cháu Nguyễn Võ Anh D. Cháu D hiện nay đang sinh cùng với ông T và có nguyện vọng sống chung với cha là ông T. Cháu T hiện sống cùng với mẹ là bà M, bà M yêu cầu được nuôi cháu T. Quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu được nuôi con của bà M và cũng không có ý kiến gì về việc cháu D muốn sống cùng với ông T. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của bà M và yêu cầu giao cháu D cho ông T nuôi dưỡng là có cơ sở để chấp nhận.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M đối với ông Nguyễn Văn T.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Võ Thị M phải nộp theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; các Điều 227, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M đối với ông Nguyễn Văn T về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà Võ Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Nguyễn Võ Anh T, sinh ngày 17/4/2017. Ông Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Nguyễn Võ Anh D, sinh ngày 12/6/2007.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0050044 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Võ Thị M, ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND P. P. Tp. T. T. Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Hương

